

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Số 41, Ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024 3763 4618 Fax: 024 3763 4617

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	07 - 37
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...).

Cấu trúc Công ty

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh tại huyện Chi Lăng	Khu Thống nhất 1, Thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Hữu Lũng	Khu An Ninh, Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bình Gia	Khu III, Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Tràng Định	Khu II, Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Đình Lập	Khu I, Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Lộc Bình	Số 142, Phố Bờ Sông, Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bắc Sơn	Tiểu khu Lương Văn Chi, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Lãng	Khu I, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Thành phố Lạng Sơn	Số 206, Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Quan	Phố Đức Tâm II, Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

Chi nhánh tại Hà Nội
CN DL và TM Lạng Sơn

Số 475, Đường Ngọc Lâm, P.Ngọc Lâm, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
Số 209, Đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Tp.Lạng Sơn.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thành	Ủy viên
Ông Lâm Phi Khanh	Ủy viên
Ông Ngô Huy	Ủy viên
Ông Đặng Trung Lập	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính gồm:

Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Văn Mạnh	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lục Văn Đồng	Thành viên BKS
Bà Vy Thị Vân	Thành viên BKS

Kế toán trưởng

Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (SVA). SVA đề xuất được tiếp tục chỉ định làm kiểm toán viên cho năm tài chính tiếp theo.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã **tuân thủ các yêu cầu** nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có **trách nhiệm đảm bảo** rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các quy định hiện hành của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán kèm theo, báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện,**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Đặng Trung Lập
Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

Trụ sở: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-28) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn
Văn phòng tại Hà Nội: Số 41, ngõ 62 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

Số: 19./-2021/BCKT/LATRACO-SVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được lập ngày 25/03/2021, gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 21/01/2016 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Trường An Lạng Sơn, Công ty Sản xuất và Thương mại Trường An Lạng Sơn sẽ phải thanh toán số tiền lãi cố định cho Công ty là 350 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Trường An Lạng Sơn, chưa thực hiện theo cam kết tại hợp đồng hợp tác trên. Công ty chưa ghi nhận phải thu khoản lãi cố định mà trong hợp đồng quy định. Thời hạn hợp đồng từ ngày 21/01/2016 đến 21/01/2036.

Đến thời điểm lũy kế 31/12/2020 Công ty chưa tính trích dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khác là lãi trả chậm là 18,3 tỷ đồng. Nếu đơn vị hạch toán bổ sung khoản trích dự phòng này vào thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm một khoản tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ, theo đó các giá trị và tỷ lệ còn chưa được đối chiếu như sau: Phải thu khách hàng chiếm 23% tương ứng khoảng 18,5 tỷ đồng; Phải thu khác chiếm 87% tương ứng khoảng 19,4 tỷ đồng; Bằng các tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán bổ sung và thay thế khác để xác định được tính hiện hữu và giá trị của khoản công nợ nói trên, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi xin lưu ý tới người đọc báo cáo tài chính này, như đã nêu tại thuyết minh số VI.9 "Lãi trả chậm" cho thấy tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2020 Công ty có một số khoản thu nhập khác là khoản tính lãi trả chậm do quá hạn thanh toán của Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN) số tiền khoảng 2,7 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn lãi trả chậm số tiền 5,1 tỷ đồng; Hợp tác xã Thăng Long lãi trả chậm số tiền 402,6 triệu đồng.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Tại thuyết minh số V.2 Phải thu khách hàng có số dư nợ là: 14.869.560.000 đồng và mục V.4 Phải thu ngắn hạn khác là: 9.830.326.635 đồng, Tổng hai khoản phải thu đến thời điểm 31/12/2020 là: 24.699.886.635 đồng là khoản nợ với bên liên quan là Thành viên HĐQT của Công ty - đứng tên giám đốc Công ty TNHH Lâm Sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN).

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty lỗ 24.888.121.042 VND, lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 26.029.943.655 VND. Tại ngày 31/12/2020, nợ phải trả lớn hơn tổng tài sản là 6.015.730.543 VND. Những yếu tố này tạo sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



Nguyễn Hồng Chuẩn

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

1214-2018-107-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2021

Nguyễn Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

2325-2019-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VND

Stt	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		72.183.389.568	105.060.369.774
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.573.144.820	7.492.926.271
1	Tiền	111		1.573.144.820	7.492.926.271
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.946.634.663	78.084.281.058
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	80.454.346.707	79.772.445.734
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	159.249.930	2.830.090.213
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22.523.791.491	14.151.429.251
7	Dự phòng các khoản phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(51.190.753.465)	(18.669.684.140)
IV	Hàng tồn kho	140		18.227.784.156	19.064.462.850
1	Hàng tồn kho	141	V.6	18.227.784.156	19.064.462.850
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		435.825.929	418.699.595
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	11.719.973
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.441.252	31.787.264
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.7	380.384.677	375.192.358
B	Tài sản dài hạn	200		26.430.060.485	26.401.439.238
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		24.348.507.565	23.976.568.758
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	22.604.827.427	21.977.093.770
	- Nguyên giá	222		35.650.575.208	33.661.407.027
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.045.747.781)	(11.684.313.257)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.743.680.138	1.999.474.988
	- Nguyên giá	228		2.657.948.500	2.657.948.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(914.268.362)	(658.473.512)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	154.545.455	280.639.091
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154.545.455	280.639.091
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.927.007.465	2.144.231.389
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.127.007.465	1.344.231.389
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.12	800.000.000	800.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		98.613.450.053	131.461.809.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Nợ phải trả	300		104.629.180.587	112.643.007.716
I	Nợ ngắn hạn	310		92.702.964.613	108.352.961.525
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.230.356.428	2.562.091.936
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	178.000.000	948.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.825.883.768	456.194.927
4	Phải trả người lao động	314		209.817.809	74.325.709
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	696.152.567	187.089.878
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	372.029.395	441.827.271
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	678.697.645	15.131.074.374
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	80.461.615.024	88.420.405.453
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.411.977	131.951.977
12	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
13	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		11.926.215.974	4.290.046.191
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	1.795.323.528	2.137.046.191
4	Phải trả dài hạn khác	337	V.21	9.655.040.780	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	475.851.666	2.153.000.000
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		(6.015.730.534)	18.818.801.296
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.23	(6.015.730.534)	18.818.801.296
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.814.406.927	4.814.406.927
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
7	Lợi nhuận chưa phân phối	421		(26.029.943.655)	(1.195.411.825)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.141.822.613)	(1.686.395.150)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(24.888.121.042)	490.983.325
8	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		199.806.194	199.806.194
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		98.613.450.053	131.461.809.012

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Nông Kim Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2020

Mẫu số: B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	180.933.320.669	306.613.794.175
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	-	39.580.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	180.933.320.669	306.574.214.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	164.464.893.294	285.372.199.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.468.427.375	21.202.014.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	59.214.226	85.200.848
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.701.435.581	7.079.973.215
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.701.435.581	6.671.866.956
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	3.067.411.566	11.366.349.670
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VI.8	41.100.901.882	10.391.433.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.342.107.428)	(7.550.541.571)
11. Thu nhập khác	31		9.459.502.283	8.357.053.232
12. Chi phí khác	32		5.515.897	315.528.336
13. Lợi nhuận khác	40	VI.9	9.453.986.386	8.041.524.896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.888.121.042)	490.983.326
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.888.121.042)	490.983.326
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.11	(16.592)	327

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2021



Nông Kim Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Mẫu số: B03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(24.888.121.042)	490.983.326
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.652.129.374	1.561.649.039
- Các khoản dự phòng	03	32.521.069.325	7.684.968.640
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(59.577.862)	(85.200.848)
- Chi phí lãi vay	06	6.701.435.581	6.671.866.956
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	15.926.935.376	16.324.267.112
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.412.269.237)	18.077.463.400
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	836.678.694	5.010.876.945
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập DN phải nộp)	11	1.885.080.318	(19.026.819.908)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	228.943.897	369.376.017
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.864.175.053)	(6.562.950.291)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(81.540.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.519.653.995	14.192.213.275
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.863.074.545)	314.571.001
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.214.226	85.200.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.803.496.683)	399.771.849
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	229.667.423.165	252.845.477.681
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(239.303.361.928)	(261.802.519.580)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.635.938.763)	(8.957.041.899)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.919.781.451)	5.634.943.225
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.492.926.271	1.857.983.046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.573.144.820	7.492.926.271

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Nông Kim Tiến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1) Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...).

2) Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chế độ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trong năm tài chính Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành.

Chúng tôi tuyên bố tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

Chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: $\text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng xuất trong kỳ}$.

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc lớn hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Tài sản cố định và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi chép theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	06 - 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá tham chiếu đối với các loại chứng khoán:

Đối với chứng khoán niêm yết:

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết:

Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) Công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu khi thực nhận vốn góp.

Ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn hoặc đầu tư.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo các quy định hiện hành.

Các nghĩa vụ về thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ hoàn tất khi có cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các bên có liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	884.303.132	2.044.962.029
Tiền mặt VNĐ	884.303.132	2.044.962.029
Tiền gửi ngân hàng	688.841.688	5.447.964.242
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	682.666.972	5.441.484.474
Tiền gửi ngân hàng USD	6.174.716	6.479.768
Cộng	1.573.144.820	7.492.926.271

V.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cơ khí & Kết cấu Thép Sóc Sơn Hà Nội	42.580.864.536	42.754.911.536
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	3.130.856.500	3.130.856.500
Công ty TNHH Lâm Sản Thành An - (Tên cũ là Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN) (*)	14.869.560.000	15.149.560.000
Hợp tác xã Thăng Long	5.781.460.988	6.231.460.988
Chi nhánh Công ty Cổ phần SX&TM Hà Lan	394.221.400	6.561.392.056
Cơ sở chế biến Nông Sản - Hạt dưa	-	273.240.000
Công Ty CP HS F & A CONSULTANT Việt Nam	7.825.333.305	89.206.283
Sở giao thông vận tải Lạng Sơn	383.148.288	-
Phòng Kinh tế huyện Văn Quan	1.389.728.840	-
Đối tượng khác	4.099.172.850	5.581.818.371
Cộng	80.454.346.707	79.772.445.734

(*) Hợp đồng kinh tế số 12/2017/HĐKT ngày 07/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman, về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.681.000.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty CP TM Lạng Sơn đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 23/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

(*) Hợp đồng kinh tế số 11/2017/HĐKT ngày 02/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.468.255.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 20/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(*) Hợp đồng kinh tế số 13/2017/HĐKT ngày 12/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng; trị giá hợp đồng 5.297.305.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 13/01/2017 đến 19/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 08/02/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

V.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Minh	-	437.973.754
Dương Kim Dân	-	120.250.000
Công ty TNHH thương mại vận tải Hà Sơn	139.999.930	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thành Lê	-	800.000.000
Mỏ Đá Đông Phong tại Văn Quan	-	125.252.500
Công ty CP Chứng Khoán Rồng Việt - CN Hà Nội	19.250.000	-
Xi măng La Hiên	-	267.726.910
Xi măng Quán Triều	-	909.199.909
Mỏ đá 289	-	145.000.000
Đối tượng khác	-	24.687.140
Cộng	159.249.930	2.830.090.213

V.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cầm cố, Ký quỹ	339.700.731	325.996.109
Phải thu khác	22.184.090.760	13.825.433.142
Thuế TNCN (đi vay)	10.891.722	-
Nguyễn Mạnh Cường	21.000.000	21.000.000
BHXX, BHYT, BHTN	61.726.177	56.705.982
Lãi trả chậm, trong đó:	22.087.687.686	13.739.562.379
Công ty TNHH Lâm Sản Thành An (Tên cũ là Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN)	9.830.326.635	7.083.492.155
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn	11.854.697.271	6.656.070.224
Hợp tác xã Thăng Long	402.663.780	-
Phải thu khác	2.785.175	8.164.781
Cộng	22.523.791.491	14.151.429.251

V.5. Nợ xấu (Phụ lục 05 trang 36)**V.6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	2.055.881.453	-	1.637.504.030	-
- Rượu	1.611.273.953	-	1.632.761.530	-
- Vải	444.607.500	-	4.742.500	-
Thành Phẩm	409.350.260	-	381.056.882	-
- Rượu	409.350.260	-	381.056.882	-
Hàng hóa	15.762.552.443	-	17.045.901.938	-
- Trục Cán	184.875.000	-	184.875.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Thức ăn chăn nuôi	2.841.600.000	-	-	-
- Thép	244.816.000	-	244.816.000	-
- Gạch đặc	131.156.000	-	352.122.000	-
- Cát Vàng	20.140.000	-	236.596.500	-
- Xi măng	941.136.366	-	980.555.426	-
- Xăng dầu	1.867.415.188	-	2.020.808.351	-
- Máy Nông nghiệp	1.615.392.498	-	1.688.303.391	-
- Chăn ga gối đệm	1.956.158.837	-	3.944.102.993	-
- Các loại máy nén khí	209.417.000	-	1.178.649.564	-
- Phụ kiện hệ thống nước	1.430.050.054	-	2.089.080.101	-
- Hàng điện dân dụng	4.173.193.966	-	2.557.218.455	-
- Hàng hóa khác	147.201.534	-	1.568.774.157	-
Cộng	18.227.784.156	-	19.064.462.850	-

V.7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế tiêu thụ đặc biệt	380.384.677	375.192.358
Cộng	380.384.677	375.192.358

V.08. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 trang 29)**V.09. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.457.948.500	200.000.000	2.657.948.500
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	2.457.948.500	200.000.000	2.657.948.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	518.473.512	140.000.000	658.473.512
Số tăng trong năm	245.794.850	10.000.000	255.794.850
- Khấu hao trong năm	245.794.850	10.000.000	255.794.850
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	764.268.362	150.000.000	914.268.362
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.939.474.988	60.000.000	1.999.474.988
Tại ngày cuối năm	1.693.680.138	50.000.000	1.743.680.138

V.10. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	154.545.455	280.639.091
Công trình Bình Gia	-	126.093.636
Tổ hợp Dịch vụ Thương mại Lạng Sơn 208 Trần Đăng Ninh	154.545.455	154.545.455
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Cộng	154.545.455	280.639.091

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cơ sở hạ tầng	817.577.600	865.670.400
Chi phí đăng ký tài sản trên đất	286.846.152	299.844.614
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	28.960.751
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	10.016.713	137.170.624
Chi phí sửa xe	-	12.585.000
Số còn phải phân bổ cuối năm	1.127.007.465	1.344.231.389

V.12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược ký quỹ dài hạn (*)	800.000.000	800.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000

(*) Là khoản ký cược ký quỹ du lịch tại Vietinbank - Chi nhánh Lạng Sơn cho hoạt động kinh doanh lữ hành du lịch theo quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh Lữ hành Quốc tế số tiền 500 triệu đồng.

(*) Hợp đồng tiền gửi ký quỹ số 01/2018/704681/HĐKQ-BIDV giữa Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn về việc mở tài khoản ký quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước đối với doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm, số tiền ký quỹ là 300 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng lãi suất 6,5%/năm thời gian phong tỏa từ ngày 09/01/2018.

V.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP HS F&A Consultant Việt Nam	-	-	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH MTV Thuận phát Hải Dương	3.459.964.225	3.459.964.225	-	-
Xuất Nhập khẩu An Hòa	-	-	273.239.664	273.239.664
Công ty TNHH Thương Mại và đầu tư Vĩnh An	2.841.600.000	2.841.600.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hà Sơn	-	-	508.173.008	508.173.008
Công ty CP TMDV Tân Minh	969.473.431	969.473.431	-	-
Đối tượng khác	959.318.772	959.318.772	1.180.679.264	1.180.679.264
Cộng	8.230.356.428	8.230.356.428	2.562.091.936	2.562.091.936

V.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty HNC FLOOR (trả tiền thuê kho)	32.000.000	32.000.000	24.000.000	24.000.000
Hoàng Thị Nhung	9.000.000	9.000.000	24.000.000	24.000.000
Dương Thời Sáu	9.000.000	9.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trần Văn Lịch	33.000.000	33.000.000	-	-
Nguyễn Thành Trung	15.000.000	15.000.000	-	-
Nông Thị Giang	80.000.000	80.000.000	-	-
Đối tượng khác	-	-	900.000.000	900.000.000
Cộng	178.000.000	178.000.000	948.000.000	948.000.000

V.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	446.518.976	1.649.971.481	1.619.859.761	476.630.696
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	16.964.463	16.964.463	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.675.951	19.221.620	10.356.424	18.541.147
Tiền thuê đất	-	1.733.176.225	402.464.300	1.330.711.925
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Các loại thuế phi khác	-	3.750.200	3.750.200	-
Cộng	456.194.927	3.437.083.989	2.067.395.148	1.825.883.768

V.16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	670.152.567	187.089.878
Trích trước chi phí vận chuyển hàng hóa	26.000.000	-
Cộng	696.152.567	187.089.878

V.17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	372.029.395	441.827.271
Cộng	372.029.395	441.827.271

V.18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	206.812	32.506.734
Bảo hiểm xã hội	118.580.903	-
Bảo hiểm y tế	465.327	-
Bảo hiểm thất nghiệp	206.812	-
Phải trả khác	559.237.791	8.755.349.366
Dương Kim Dân	-	1.919.228.039
Trịnh Tuyết Minh	-	2.090.981.700
Nguyễn Thị Thanh Vân	-	1.040.756.248
Nguyễn Văn Anh	-	630.445.221
Nguyễn Thị Hào	-	1.034.488.655
Nguyễn Thu Hằng	-	346.255.601
Nguyễn Thị Mẫn	-	111.736.928
Chi cục Hải quan khu vực 1	-	100.000.000
Phạm Thị Thanh Diên	-	180.000.000
Nguyễn Văn Hoàng (tiền mượn)	-	676.316.000
Nguyễn Văn Hưng (Đặt cọc thuê Phòng)	25.000.000	-
Nộp NSNN do vi phạm pháp luật thuế GTGT	403.983.486	403.983.486
Công ty Cổ phần Thành Lê Lạng Sơn (5%) bảo hành công trình	100.000.000	-
Phải trả khác	30.254.305	221.157.488

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Vay không lãi suất	-	6.343.218.274
Đào Văn Mạnh (Huy động vốn các cá nhân CN TP)	-	2.000.000.000
Hoàng Hải Anh (***)	-	3.700.089.061
Nguyễn Thị Thanh Nga (***)	-	276.550.000
Nguyễn Đức Ngọc (***)	-	174.224.943
Ma Thị Xuyên (***)	-	192.354.270

Cộng**678.697.645****15.131.074.374****V.19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Phụ lục số 02 trang 30 và 33)****V.20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	1.795.323.528	2.137.046.191
Cộng	1.795.323.528	2.137.046.191

V.21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đào Văn Mạnh (Huy động vốn các cá nhân CN TP) (1)	2.000.000.000	-
Ông Hoàng Hải Anh (2)	3.404.598.388	-
Bà Nguyễn Thị Thu Nga (3)	276.550.000	-
Dương Kim Dân (4)	1.019.228.039	-
Trịnh Tuyết Minh (5)	1.090.981.700	-
Nguyễn Thị Thanh Vân (6)	540.756.248	-
Nguyễn Văn Anh (7)	330.445.221	-
Nguyễn Thị Hào (8)	534.488.655	-
Nguyễn Thu Hằng (9)	346.255.601	-
Nguyễn Thị Mẫn (10)	111.736.928	-
Cộng	9.655.040.780	-

(1) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 10/03/2011 giữa Chi nhánh Thành Phố Công ty và Ông Đào Văn Mạnh về việc góp vốn kinh doanh xí nghiệp rượu Thiên Sơn, thời hạn thanh toán trong vòng 10 năm, không tính lãi suất và không có hợp đồng do dùng cho khoản huy động vốn vay này.

(2) Theo hợp đồng vay số 03 ngày 28/09/2015 với Ông Hoàng Hải Anh, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 3.369.703.295 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(2) Phụ lục gia hạn hợp đồng ký giữa Ông Hoàng Hải Anh và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn ngày 05/01/2017 về việc gia hạn khoản vay từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2021

(3) Theo hợp đồng vay số 01 ngày 28/09/2018 với Bà Nguyễn Thị Thu Nga, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2018 đến 31/12/2018. Số tiền vay: 276.550.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của công ty.

(3) Phụ lục gia hạn hợp đồng ký giữa Bà Nguyễn Thị Thu Nga và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn ngày 26/01/2019 về việc gia hạn khoản vay từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2021

(4) Theo biên bản thỏa thuận số 01BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Dương Kim Dân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 1.980.981.700 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(5) Theo biên bản thỏa thuận số 01BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Trịnh Tuyết Minh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 1.980.981.700 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi

(6) Theo biên bản thỏa thuận số 02BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Nguyễn Thị Thanh Vân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 1.740.756.248 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi

(7) Theo biên bản thỏa thuận số 07BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Nguyễn Văn Anh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 1.691.674.051 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi .

(8) Theo biên bản thỏa thuận số 03BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Nguyễn Thị Hào và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 1.434.488.655 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi .

(9) Theo biên bản thỏa thuận số 08BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Nguyễn Thu Hằng và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 846.255.601 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi.

(10) Theo biên bản thỏa thuận số 04BB/CNTP ngày 02/01/2018 giữa Bà Nguyễn Thị Mẫn và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Mại Lạng Sơn về việc nộp tiền để kinh doanh Quầy bán lẻ Giá trị: 411.736.928 đồng, thời hạn là 5 năm kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận, lãi suất không tính lãi.

V.22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Phụ lục số 03 trang 34)**V.23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04 trang 35)****b. Chi tiết góp vốn**

	Tỷ lệ % Cuối năm	Số cuối năm	Tỷ lệ % đầu năm	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng	100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000
Ông Đặng Trung Lập	7%	1.008.000.000	7%	1.008.000.000
Ông Lâm Phi Khanh	7%	1.051.000.000	7%	1.051.000.000
Ông Lý Xuân Thanh	24%	3.550.000.000	29%	4.330.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	6%	835.500.000	6%	835.500.000
Ông Ngô Huy	5%	772.500.000	5%	772.500.000
Ông Lục Văn Đồng	3%	517.000.000	3%	517.000.000
Ông Đinh Văn Thành	9%	1.323.000.000	9%	1.323.000.000
Bà Hường Thanh Tâm	5%	764.000.000	0%	32.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	4%	545.000.000	4%	545.000.000
Bà Ma Thị Xuyên	0%	47.000.000	0%	47.000.000
Đặng Hoàng Tâm	8%	1.270.690.000	8%	1.270.690.000
Bế Văn Táo	5%	768.500.000	5%	768.500.000
Đinh Thị Kim Yến	1%	198.000.000	1%	198.000.000
Vi Thị Vân	5%	763.900.000	4%	634.900.000
Các đối tượng khác	11%	1.585.910.000	11%	1.666.910.000
Cộng	100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

V.24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**24.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	271,45	386,91

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.933.320.669	306.613.794.175
Cộng	180.933.320.669	306.613.794.175

VI.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	39.580.170
Cộng	-	39.580.170

VI.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	180.933.320.669	306.574.214.005
Cộng	180.933.320.669	306.574.214.005

VI.4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.464.893.294	285.372.199.584
Cộng	164.464.893.294	285.372.199.584

VI.5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.214.226	85.200.848
Cộng	59.214.226	85.200.848

VI.6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.701.435.581	6.853.306.225
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	167.510.987
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	59.156.003
Cộng	6.701.435.581	7.079.973.215

VI.7. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.117.550.415	3.490.628.747
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.062.400.242	43.738.658
Thuế, phí, lệ phí	-	1.000.000
Chi phí dự phòng	-	7.337.280.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Chi phí khác bằng tiền	887.460.909	493.702.265
Cộng	3.067.411.566	11.366.349.670

VI.8. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.800.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ	137.476.104	383.089.950
Chi phí nhân công	4.477.316.711	3.965.633.202
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.729.132	2.586.891.843
Thuế, phí, lệ phí	1.442.301.464	1.045.872.489
Chi phí dự phòng	32.521.069.326	325.297.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.811.736	96.327.536
Chi phí khác bằng tiền	1.780.397.410	1.988.321.569
Cộng	41.100.901.882	10.391.433.955

VI.9. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.459.502.283	8.357.053.232
Thu thanh lý TSCĐ	363.636	-
Xử lý các khoản phải thu (các hộ nhận khoán)	79.764.485	-
Thu đền bù tài sản trên đất nhà nước thu hồi (*)	-	1.506.245.000
Lãi trả chậm trong đó bao gồm:	8.348.125.307	6.819.822.142
<i>Lãi trả chậm - Công ty TNHH Lâm Sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm Sản WoodMan)</i>	<i>2.746.834.480</i>	<i>2.816.357.200</i>
<i>Lãi trả chậm Công ty CP Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn</i>	<i>5.198.627.047</i>	<i>4.003.464.942</i>
<i>Lãi trả chậm Hợp tác xã Thăng Long</i>	<i>402.663.780</i>	-
Thu nhập phải trả khác không phải trả theo thư xác nhận	676.316.000	-
Thu nhập dự phòng thu hồi được	324.633.031	-
Thu tiền đền bù sở tài chính	-	16.526.000
Thu nhập khác	30.299.824	14.460.090
Chi phí khác	5.515.897	315.528.336
Giá trị còn lại TSCĐ giảm thanh lý	-	253.460.139
Chi phí phạt hành chính thuế	5.339.898	56.891.955
Lỗ từ hoạt động đầu tư (*)	-	-
Chi phí khác	175.999	5.176.242
Lợi nhuận khác	9.453.986.386	8.041.524.896

VI.10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	(24.888.121.042)	490.983.326
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)+(4)	5.515.897	62.068.197
Các khoản điều chỉnh tăng (3)	5.515.897	62.068.197
<i>Các khoản xử lý nhỏ lẻ</i>	<i>175.999</i>	<i>5.176.242</i>
<i>Các khoản phạt hành chính thuế</i>	<i>5.339.898</i>	<i>56.891.955</i>
Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	-
Chuyển Lỗ các năm trước (5)	-	553.051.523
Tổng thu nhập tính thuế trong năm (6) = (1)+(2)-(5)	(24.882.605.145)	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành.(7)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.(8)

Lợi nhuận sau thuế TNDN (9) = (1) – (7) - (8)**(24.888.121.042)****490.983.326****VI.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.888.121.042)	490.983.326
Các khoản tăng, giảm lợi nhuận	-	-
LN hoặc lỗ PB cho CĐ hiện hữu sở hữu CPPT	(24.888.121.042)	490.983.326
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(16.592)	327

VI.12. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.800.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ	137.476.104	383.089.950
Chi phí nhân công	5.545.078.776	5.626.221.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.652.129.374	2.627.722.195
Thuế, phí, lệ phí	1.442.301.464	1.046.872.489
Chi phí dự phòng	32.521.069.326	7.662.577.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.811.736	96.327.536
Chi phí khác bằng tiền	2.717.646.669	4.314.973.065
Cộng	44.168.313.448	21.757.783.625

VI.11. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Giá trị nhận nợ vay không phát sinh qua khoản mục tiền tệ	Số tiền (VNĐ)
Nhận nợ vay thanh toán phải trả khách hàng	239.303.361.928
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Số tiền (VNĐ)
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	229.667.423.165

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như

Thu nhập ban Hội đồng quản trị ban Tổng Giám đốc và thành viên BKS, kế toán trưởng phụ lục 06 trang 37

Giao dịch với các bên liên quan**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)

Mối quan hệ

Bên liên quan của Thành viên HĐQT

Giao dịch với bên liên quan	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)	Tính lãi trả chậm	2.746.834.480	2.816.357.200
Phải thu của bên liên quan khác	Tài khoản	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Lâm sản Thành An	1388	9.830.326.635	7.083.492.155
Công ty TNHH Lâm sản Thành An	131	14.869.560.000	15.149.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

VIII. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

IX. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

X. Điều chỉnh hồi tố

Điều chỉnh tính lãi trả chậm năm 2019 của Công ty CP Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn tăng lên số tiền 4.003.464.942 đồng. Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh hồi tố một số nội dung sau:

Chỉ tiêu	Mã số TT200	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1 Tài sản ngắn hạn	100	101.056.904.832	4.003.464.942	105.060.369.774
2 Các khoản phải thu ngắn hạn	130	74.080.816.116	4.003.464.942	78.084.281.058
3 Phải thu khác	136	10.147.964.309	4.003.464.942	14.151.429.251
4 Tổng tài sản	270	127.458.344.070	4.003.464.942	131.461.809.012
5 Lợi nhuận chưa PP	421	(5.198.876.767)	4.003.464.942	(1.195.411.825)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Thu nhập khác	31	4.353.588.290	4.003.464.942	8.357.053.232
2 Lợi nhuận khác	40	4.038.059.954	4.003.464.942	8.041.524.896
3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.512.481.617)	4.003.464.942	490.983.326
4 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60	(3.512.481.617)	4.003.464.942	490.983.326

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 Lợi nhuận trước thuế	01	(3.512.481.617)	4.003.464.942	490.983.326
2 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	12.320.802.170	4.003.464.942	16.324.267.112
3 Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.080.928.342	(4.003.464.942)	18.077.463.400
4 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.192.213.275	-	14.192.213.275

Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Nông Kim Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 01: Tàng, giám Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND			
Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.587.577.552	800.298.036	1.238.531.439	35.000.000	33.661.407.027
Số tăng trong năm	1.981.568.181	-	-	42.500.000	2.024.068.181
- Mua trong năm	-	-	-	42.500.000	42.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.981.568.181	-	-	-	1.981.568.181
Số giảm trong năm	-	34.900.000	-	-	34.900.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	34.900.000	-	-	34.900.000
Số dư cuối năm	33.569.145.733	765.398.036	1.238.531.439	77.500.000	35.650.575.208
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.125.408.579	800.298.036	723.606.642	35.000.000	11.684.313.257
Số tăng trong năm	1.301.073.474	-	92.225.336	3.035.714	1.396.334.524
- Khấu hao trong năm	1.301.073.474	-	92.225.336	3.035.714	1.396.334.524
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(34.900.000)	-	-	(34.900.000)
- Giảm điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(34.900.000)	-	-	(34.900.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.426.482.053	765.398.036	815.831.978	38.035.714	13.045.747.781
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.462.168.973	-	514.924.797	-	21.977.093.770
Tại ngày cuối năm	22.142.663.680	-	422.699.461	39.464.286	22.604.827.427

Ghi

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý

17.082.791.511 VND

3.131.411.767 VND

- VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng VNĐ						
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn (i)	64.195.515.024	64.195.515.024	133.465.101.499	152.059.991.928	82.790.405.453	82.790.405.453
	39.999.595.024	39.999.595.024	90.102.181.499	105.082.365.428	54.979.778.953	54.979.778.953
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (ii)	24.195.920.000	24.195.920.000	43.362.920.000	46.977.626.500	27.810.626.500	27.810.626.500
Vay cá nhân						
Vị Thùy Trang (1)	15.246.100.000	15.246.100.000	95.061.470.000	85.445.370.000	5.630.000.000	5.630.000.000
Nguyễn Bích Thủy	6.000.000.000	6.000.000.000	37.971.470.000	31.971.470.000	-	-
Hoàng Hoài Vũ (2)	-	-	27.880.000.000	27.880.000.000	-	-
Nguyễn Thị Khiêm	2.000.000.000	2.000.000.000	17.255.000.000	15.255.000.000	-	-
Đặng Thị Lê (3)	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Hoàng Hữu An (4)	3.305.000.000	3.305.000.000	3.305.000.000	2.708.900.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Lê Thị Dung	3.941.100.000	3.941.100.000	2.650.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Bé Thị Uyên	-	-	-	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Nông Ngọc Thu	-	-	-	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả VNĐ						
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	-	-	-
	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	-	-	-
Cộng	80.461.615.024	80.461.615.024	229.546.571.499	237.505.361.928	88.420.405.453	88.420.405.453

(*)

(i) Hợp đồng cho vay hạn mức số 0903/2020-HĐCVHM/NHCT200-CTCPTMLS ngày 12/03/2020. Hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 2301/2019-HĐCVHM/NHCT200-CTCPTHUONGMAILS ngày 23/01/2019 theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I hợp đồng này. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ lục I và ngày điều chỉnh lãi suất cho vay là ngày 25. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng - thời hạn cho từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

- (i) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0903/2020/HĐBĐ/NHCT200-CB091894 ngày 09/03/2020 giữa Công ty và Vietinbank - CN Lạng Sơn, tài sản thế chấp tài sản gắn liền với thửa đất thừa kế đất khu thống nhất 1, thị trấn Đồng Mô, Huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tổng giá trị tài sản: 902.000.000 đồng.
- (ii) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016/HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/CB091872 ngày 16/06/2016. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB091872 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06/10/2015; Số vào sổ cấp GCN: CT 03311; Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028, giá trị thế chấp là 6.400.000.000 đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016/HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/BP195251 ngày 16/06/2016. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP195251 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 11/02/2014; Số vào sổ cấp GCN: CT 02313; Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028, giá trị thế chấp là 2.600.000.000 đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN31/0909/2013/HĐTC ngày 09/09/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với 19 quyền sử dụng đất (chi tiết theo Phụ lục thế chấp), giá trị thế chấp là 1.305.807.123 đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp hàng hoá số LN31-3110/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLA/HHLC ngày 31/10/2016. Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho bao gồm: hàng đang ở trong kho, hàng ngoài kho (hàng đang đi đường, hàng được gửi tại các đại lý, cửa hàng....), hàng hình thành trong tương lai. Giá trị của tài sản thế chấp là 1 tỷ đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0412/2019/HĐBĐ/NHCT200-ĐĐ 277445 ngày 05/12/2019 giữa ông Nguyễn Trọng Tuyến với Vietinbank - CN Lạng Sơn. Tài sản được thế chấp là 1/2 diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 277445 do UBND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2008; Số vào sổ cấp GCN: H 00163; Thời gian sử dụng đến 31/12/2068, giá trị thế chấp là 9.450.000.000 đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0412/2019/HĐBĐ/NHCT200-BB 177665 ngày 05/12/2019 giữa ông Nguyễn Trọng Tuyến với Vietinbank - CN Lạng Sơn. Tài sản được thế chấp là 1/2 diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 177665 do UBND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/08/2010; Số vào sổ cấp GCN: CH 00202; Thời gian sử dụng đến 31/12/2068, giá trị thế chấp là 6.705.000.000 đồng.
- (i) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 0903/2020/HĐBĐ/NHCT200-CB091894 ngày 09/03/2020. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB091894 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 16/10/2015; Số vào sổ cấp GCN: CT 03319; Thời gian sử dụng đến 11/01/2036, giá trị thế chấp là 902.000.000 đồng.
- (ii) Theo hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/704681/HĐTD ngày 11/11/2019 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, theo đó ngân hàng cấp hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 30.000.000.000 đồng đồng và ngoại tệ quy đổi, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (ii) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/704681/HĐBĐ ngày 05/06/2019 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay. Tài sản thế chấp là Trung tâm Cung cấp Thiết bị máy NN và Nước sạch nông thôn Lạng Sơn; Nhà bán hàng và kho, địa chỉ: Số 272 đường Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 765615, số vào sổ cấp GCN: CT 04301 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/12/2018. Thời gian sử dụng đến 08/11/2037, giá trị thế chấp là 5.992.700.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuế tài chính ngân hạn

- (ii) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/704681/HĐBĐ ngày 05/06/2019 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay. Tài sản thế chấp là Nhà kho 1, Nhà kho 2, Nhà bảo vệ, Nhà bảo vệ, Nhà biến áp tại địa chỉ: Lô M1, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 765684, số vào sổ cấp GCN: CT 04352 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/01/2019.
- (ii) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/704681/HĐBĐ ngày 05/06/2019 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số bìa BA 896323, số vào sổ cấp GCN: CT00194 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/08/2010. Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028, giá trị thế chấp là 2.073.800.000 đồng.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/1237523/HĐTD ngày 16/07/2020 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, Ngân hàng cấp hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa là 10.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Công ty được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/1237523/HĐTDHM ngày 02/07/2019. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C của bên vay, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể trong từng thời kỳ.
- (ii) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2019/704681/HĐBĐ ký ngày 05/06/2019. Tài sản thế chấp là "Trung tâm cung cấp thiết bị máy NN và nước sạch nông thôn LS; Nhà bán hàng và Kho" gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765615, số vào sổ cấp GCN: CT04301 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/12/2018. Thời gian sử dụng đến 08/11/2037, giá trị thế chấp là 5.992.700.000 đồng.
- (ii) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất sản số 02/2012/HĐ ký ngày 21/09/2012. Nhà làm việc 03 tầng (trụ sở văn phòng Chi nhánh Công ty tại thành phố Lạng Sơn diện tích 374,5m² và nhà trát đá rữa 02 tầng diện tích 148,5m²; Nhà khách 02 tầng (nhà nghỉ Tô Thị) diện tích 612,28 m²; Nhà 02 tầng số 53 Thân Công Tài, diện tích 151,2 m², giá trị thế chấp là 2.300.000.000 đồng, có hiệu lực kể từ ngày ký và thời hạn thuê sử dụng đất hết hiệu lực.
- (1) Hợp đồng vay tiền ngày 28/09/2020 giữa Vi Thủy Trang và Công ty, số tiền vay 5.000.000.000 đồng, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 15%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, trả nợ ngân hàng. Tài sản đảm bảo nhà khách Gia Lâm tại số 475 phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH666146 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017.
- (1) Hợp đồng vay tiền ngày 31/12/2020 giữa Vi Thủy Trang và Công ty, số tiền vay 250.000.000 đồng và 750.000.000 đồng, thời gian vay 2 tháng, lãi suất 9%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, trả nợ ngân hàng. Tài sản đảm bảo nhà khách Gia Lâm tại số 475 phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH666146 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017.
- (2) Hợp đồng vay tiền ngày 28/09/2020 giữa Hoàng Hoài Vũ và Công ty, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 15%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, trả nợ ngân hàng. Tài sản đảm bảo nhà khách Gia Lâm tại số 475 phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH666146 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017.
- (3) Hợp đồng vay tiền ngày 28/09/2020 giữa Đặng Thị Lê và Công ty, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời gian vay 6 tháng, lãi suất 15%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, trả nợ ngân hàng. Tài sản đảm bảo nhà khách Gia Lâm tại số 475 phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH666146 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

(3) Hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2020 giữa Đặng Thị Lê và Công ty, số tiền vay 305.000.000 đồng, thời gian vay 2 tháng, lãi suất 9%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, trả nợ ngân hàng. Tài sản đảm bảo nhà khách Gia Lâm tại số 475 phố Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH666146 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017.

(4) Hợp đồng vay vốn số ngày 01/08/2020 giữa Ông Hoàng Hữu An và Chi nhánh Văn Quan, số tiền vay là 1.291.100.000 đồng, vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0% thời gian vay từ 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp.

(4) Phụ lục hợp đồng vay vốn số ngày 01/08/2020 sửa đổi bổ sung cho hợp đồng vay ngày 01/08/2019 giữa Ông Hoàng Hữu An và Chi nhánh Văn Quan, số tiền vay là 1.291.100.000 đồng, vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0%, thời gian vay từ 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp.

(4) Hợp đồng vay vốn số ngày 01/09/2020 giữa Ông Hoàng Hữu An và Chi nhánh Văn Quan, số tiền vay là 2.650.000.000 đồng, vay bằng tiền mặt, lãi suất vay là 0%, thời gian vay từ 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp đồng không thế chấp.

(*) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/704681/HĐTD ngày 16/12/2016 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, Ngân hàng cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng với số tiền là 3.200.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng kể từ ngày ký hợp vay, lãi suất kỳ đầu tiên là 11,5%. Mục đích vay đầu tư Văn phòng Chi nhánh Công ty tại Hữu Lũng và cửa hàng thương mại tại Hữu Lũng. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2016/70468/HĐBD ngày 12/12/2016 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, về việc thế chấp tài sản vay cửa hàng thương mại tại huyện Hữu Lũng, giá trị tài sản thế chấp là 4.060.000.000 đồng.

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/704681/HĐTD ngày 25/02/2020 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, Ngân hàng cấp cho khách hàng vay số tiền là 1.141.022.000 đồng, thời gian 36 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất kỳ đầu 11,5%, sau đó áp dụng theo lãi suất thả nổi theo thông báo lãi suất tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay thanh toán khối lượng thi công xây dựng công trình "Cửa hàng thương mại Chi nhánh Công ty tại huyện Bình Gia" hạng mục: Nhà xây mới, nhà cải tạo. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/704681/HĐBD ngày 27/03/2020. Tài sản thế chấp là Cửa hàng thương mại tại huyện Bình Gia, địa chỉ Khu 2 thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Được gắn liền với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765612, số vào sổ cấp GCN: CT04304 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20/11/2018. Thời gian sử dụng đến 15/08/2026. Giá trị tài sản thế chấp là 1.855.000.000 đồng.

Phụ lục 03: Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn ngân hàng	475.851.666	475.851.666	1.140.851.666	1.945.000.000	1.280.000.000	1.280.000.000	
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	475.851.666	475.851.666	1.140.851.666	1.945.000.000	1.280.000.000	1.280.000.000	
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	873.000.000	873.000.000	873.000.000	
Hoàng Hữu An	-	-	-	682.000.000	682.000.000	682.000.000	
Hoàng Đức Minh	-	-	-	61.000.000	61.000.000	61.000.000	
Triệu Văn Nghe	-	-	-	130.000.000	130.000.000	130.000.000	
Cộng	475.851.666	475.851.666	1.140.851.666	2.818.000.000	2.153.000.000	2.153.000.000	

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/704681/HĐTD ngày 25/02/2020 giữa Công ty với BIDV - Chi nhánh Lạng Sơn, Ngân hàng cấp cho khách hàng vay số tiền là 1.141.022.000 đồng thời gian 36 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất kỳ đầu 11,5%, sau đó áp dụng theo lãi suất thả nổi theo thông báo lãi suất tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay thanh toán khối lượng thi công xây dựng công trình "Cửa hàng thương mại Chi nhánh Công ty tại huyện Bình Gia", hạng mục: Nhà xây mới, nhà cải tạo. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/704681/HĐBĐ ngày 27/03/2020. Tài sản thế chấp là Cửa hàng thương mại tại huyện Bình Gia, địa chỉ Khu 2 trị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765612, số vào sổ cấp GCN: CT04304 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20/11/2018. Thời gian sử dụng đến 15/08/2026, giá trị tài sản thế chấp là 1.855.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của CSH	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LN sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
1. Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	4.814.406.927	-	199.806.194	(2.040.982.625)	17.973.230.496	
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	490.983.326	490.983.326	
- Tăng điều chỉnh LN (*)	-	-	-	-	302.308.570	302.308.570	
- Tăng khác	-	-	-	-	52.278.904	52.278.904	
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
2. Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	4.814.406.927	-	199.806.194	(1.195.411.825)	18.818.801.296	
3. Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	4.814.406.927	-	199.806.194	(1.195.411.825)	18.818.801.296	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(24.888.121.042)	(24.888.121.042)	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Tăng điều chỉnh LN (*)	-	-	-	-	53.589.212	53.589.212	
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	4.814.406.927	-	199.806.194	(26.029.943.655)	(6.015.730.534)	

(*) Tăng do điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước: chi phí bảo hiểm Chi nhánh Hữu Lũng 27.313.488 đồng; chi phí phạt các năm trước tại chi nhánh Lộc Bình số tiền (1.880.854) đồng và tăng khác 28.156.578 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 05: Nợ xấu

Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
- Từ 3 năm trở lên					
+ Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	18.086.778.046	13.434.764	18.366.778.046	22.391.273	
+ Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)	3.130.856.500	-	3.130.856.500	-	
+ Hoàng Thị Bích	14.869.560.000	-	15.149.560.000	-	
+ Nguyễn Thị Lệ Tĩnh	9.505.000	-	9.505.000	-	
+ Hoàng Thị Bích Ngọc	26.485.000	-	26.485.000	-	
+ Đối tượng khác	5.589.000	-	5.589.000	-	
- Từ 2 đến 3 năm	44.782.546	13.434.764	44.782.546	22.391.273	
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn	42.580.864.536	12.774.259.361	-	-	
- Từ 1 đến 2 năm	42.580.864.536	12.774.259.361	-	-	
+ Hợp tác xã Thăng Long	6.397.078.547	3.086.273.540	650.594.734	325.297.367	
+ Phòng CSGT tỉnh Lạng Sơn	5.781.460.988	2.890.730.494	-	-	
+ Công ty TNHH Long Tuấn	197.431.677	59.229.503	197.431.677	98.715.839	
+ Công ty TNHH Hoàng Thọ	86.704.421	26.011.326	86.704.421	43.352.211	
+ Viettel tỉnh Lạng Sơn	191.306.821	57.392.046	191.306.821	95.653.411	
+ Công ty Hà Đức	29.004.600	8.701.380	29.004.600	14.502.300	
+ Công ty Cổ phần TMDV Tân Minh	56.881.150	17.064.345	56.881.150	28.440.575	
+ Công ty Cổ phần Thái Phát	-	-	89.266.065	44.633.033	
+ Công ty Vật tư Lạng Sơn tại Văn quan	34.288.890	17.144.445	-	-	
	20.000.000	10.000.000	-	-	
Cộng	67.064.721.129	15.873.967.664	19.017.372.780	347.688.640	

Phụ lục 06: Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Năm trước					
Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	213.666.364	-	24.000.000	237.666.364
Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc	180.000.000	-	24.000.000	204.000.000
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc	170.339.886	-	24.000.000	194.339.886
Lâm Phi Khanh	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Bé Văn Táo	Thành viên HĐQT	129.901.794	-	24.000.000	153.901.794
Ông Đinh Văn Thành	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Ông Lục Văn Đồng	Trưởng BKS	117.000.000	-	12.000.000	129.000.000
Bà Ma Thị Xuyến	Thành viên BKS	-	-	9.600.000	9.600.000
Ông Đào Văn Mạnh	Thành viên BKS	100.785.042	-	9.600.000	110.385.042
Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng	172.967.369	-	-	172.967.369
Cộng Năm trước		1.084.660.455	-	151.200.000	1.235.860.455
Năm nay					
Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	169.241.345	-	10.000.000	179.241.345
Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc	140.863.636	-	10.000.000	150.863.636
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc	154.747.568	-	10.000.000	164.747.568
Ông Bé Văn Táo	Thành viên HĐQT	121.348.957	-	10.000.000	131.348.957
Ông Lục Văn Đồng	Trưởng BKS	83.300.000	-	7.000.000	90.300.000
Bà Ma Thị Xuyến	Thành viên BKS	-	-	4.000.000	4.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	Thành viên BKS	99.949.200	-	4.000.000	103.949.200
Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng	136.534.675	-	-	136.534.675
Cộng Năm nay		905.985.381	-	55.000.000	960.985.381